

Số: 3414 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 20 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương của Trường Mầm Non Hoa Đào 2, Công ty TNHH Du Lịch TMDV Kỳ Nghỉ Việt, Công ty TNHH sản xuất Thương Mại Dịch Vụ Tuấn Tân Thành do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 13828TTr-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 500/TTr-LĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương của Trường Mầm Non Hoa Đào 2, Công ty TNHH Du Lịch TMDV Kỳ Nghỉ Việt, Công ty TNHH sản xuất Thương Mại Dịch Vụ Tuấn Tân Thành do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa, như sau:

1. Trường Mầm Non Hoa Đào 2, địa chỉ: Tổ 14 khu phố Hương Phước, phường Phước Tân, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm: 37 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 137.270.000 đồng, trong đó có 20 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (20 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 20.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 157.270.000 đồng (một trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn).

2. Công ty TNHH Du Lịch TMDV Kỳ Nghi Việt, địa chỉ: Số R68 đường Võ Thị Sáu, khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm: 10 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 37.100.000 đồng, trong đó có 06 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (06 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 6.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 43.100.000 đồng (bốn mươi ba triệu, một trăm ngàn đồng chẵn).

3. Công ty TNHH sản xuất Thương Mại Dịch vụ Tuấn Tân Thành, địa chỉ: Số 1/1, Quốc lộ 1, khu phố 6, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm: 21 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 77.910.000 đồng, trong đó có 09 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (09 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 9.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 86.910.000 đồng (tám mươi sáu triệu, chín trăm mười ngàn đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *du*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA TRƯỜNG MẦM NON HOA ĐÀO 2
(Kèm theo Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 20 / 9 /2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên cơ sở: Trường mầm non Hoa Đào 2
2. Mã số cơ sở: 3603798049
3. Địa chỉ: Tổ 14 khu phố Hương Phước, Phường Phước Tân, Biên Hòa, Đồng Nai
4. Mã cơ quan BHXH: 07500
5. Mã đơn vị: NA0154A

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG

TT	Họ và tên	Phòng/ban n/p/phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoàn, NVKH L	Thời gian tạm hoàn HDLĐ/ngỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/CCC D	Ghi chú
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng		
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)	(6)*	(7)*	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Trần Thị Thanh	Lá 4	KXDTH	01/06/2020	4705062334	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Trần Thị Thanh	048100089924	Vietcombank	272855901	
2	Trần Thị Tố Như	Mầm 1	KXDTH	01/05/2017	4707023091	01/05/2021	01/05/2021	31/08/2021	3.710.000	Trần Thị Tố Như	0481000804940	Vietcombank	272642490	
3	Nguyễn Thị Tân	Mầm 4	KXDTH	01/02/2016	7515056981	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Tân	67210001145090	BIDV	276128433	
4	Vũ Thị Lành	Mầm 3	KXDTH	01/10/2017	6622499241	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Vũ Thị Lành	67210000831448	BIDV	34197005211	
5	Doàn Thị Hương	Nhà Bếp	KXDTH	01/06/2020	7513159103	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Doàn Thị Hương	107871544794	Vietinbank	272577260	

6	Phan Thị Ngọc	Chối 2	KXDTH	01/06/2020	7509007312	01/06/2021	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Phan Thị Ngọc	100871613899	Vietcombank	183712864
7	Nguyễn Thị Ánh Hồng	Chối 1	KXDTH	01/06/2020	4705000462	01/06/2021	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Ánh Hồng	67210001134326	BIDV	272601812
8	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Mầm 5	KXDTH	01/12/2018	7516097112	01/06/2021	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thanh Hoa	0481000802771	Vietcombank	184270295
9	Nguyễn Thị Vui	Chối 3	KXDTH	01/06/2020	7514151469	01/06/2021	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Vui	5911601103172	Agribank	36187011145
10	Phan Thị Mơ	Chối 4	KXDTH	01/06/2020	7514077569	01/06/2021	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Phan Thị Mơ	19033244230012	Techcombank	187400059
11	Lê Thị Nga	Nhà trẻ 2	KXDTH	01/02/2015	0206103554	01/06/2021	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Thị Nga	5911205397149	Agribank	271708629
12	Vũ Thị Tài Linh	Nhà trẻ 2	KXDTH	01/09/2020	7516171899	01/06/2021	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Vũ Thị Tài Linh	67210000757641	BIDV	272519725
13	Lê Thị Hà	Nhà Trẻ 1	KXDTH	01/06/2020	7511164434	01/06/2021	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Thị Hà	102871615901	Vietcombank	272855058
14	Vũ Thị Hằng	Nhà trẻ 3	KXDTH	01/08/2017	7508084787	01/06/2021	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Vũ Thị Hằng	5911205368525	Agribank	272704478
15	Phạm Thị Hiếu	Lá 6	KXDTH	01/08/2020	6421600167	01/06/2021	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Phạm Thị Hiếu	5911205357404	Agribank	230996558
16	Trần Thị Huyền	Chối 7	KXDTH	01/06/2020	7515103437	01/06/2021	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Trần Thị Huyền	19037338343010	tecombank	184083745
17	Triệu Thanh Bích Ngân	Chối 6	KXDTH	01/06/2020	7509145088	01/06/2021	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Triệu Thanh Bích Ngân	5905205483281	Agribank	272101524
18	Đậu Thị Tâm	Mầm 7	KXDTH	01/06/2020	4701017010	01/06/2021	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Đậu Thị Tâm	5911205384203	Agribank	272763953
19	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nhà bếp	KXDTH	01/06/2020	7515109785	01/06/2021	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thu Thủy	105871544879	Vietcombank	271476843
20	Trần Thủy Vân	Lá 1	KXDTH	01/10/2019	4017365666	01/06/2021	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Trần Thủy Vân	100866938660	Vietcombank	187755898
21	Bùi Linh Trang	Hiệu phó	KXDTH	01/08/2014	3109034172	01/06/2021	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Bùi Linh Trang	67210000963855	BIDV	31186009176



22	Bùi Thị Thủy Tiên	Lá 1	KXDP TH	01/12/2012	7512177628	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Bùi Thị Thủy Tiên	5911205317610	Agribank	197235820	
23	Vũ Thị Ninh Huệ	Lá 2	KXDP TH	01/08/2014	7514159147	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Vũ Thị Ninh Huệ	12465677	ACB	272213832	
24	Lê Thị Xuân	Lá 3	KXDP TH	01/06/2020	4707132902	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Thị Xuân	5911205356512	Agribank	272816284	
25	Lê Thị Thu Hà	Mầm 1	KXDP TH	01/05/2019	4018998527	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Thị Thu Hà	5911205354810	Agribank	187199631	
26	Hoàng Thị Hoài Thương	Mầm 2	KXDP TH	01/10/2017	4707146605	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Hoàng Thị Hoài Thương	0481000080239	Vietcombank	272856991	
27	Phạm Thị Lan	Mầm 3	KXDP TH	01/08/2018	7913050044	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Phạm Thị Lan	6100205568195	Agribank	25868106	
28	Trương Thị Bích Trinh	Lá 5	KXDP TH	01/03/2018	6720834307	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Trương Thị Bích Trinh	103002078565	Vietinbank	245265654	
29	Nguyễn Thị Lệ Huyền	Chòi 2	KXDP TH	01/06/2020	5121277605	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Lệ Huyền	5911205173185	Agribank	212743199	
30	Phạm Thị Hoa	Mầm 5	KXDP TH	01/10/2017	7526925479	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Phạm Thị Hoa	5911205368519	Agribank	251271893	
31	Đặng Thị Trà	Chòi 3	KXDP TH	01/06/2020	7509001198	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Đặng Thị Trà	0121002346784	Vietcombank	194632277	
32	Trần Thị Hương	Nhà trẻ 1	KXDP TH	01/09/2020	4026209844	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Trần Thị Hương	104871656782	Vietinbank	186590142	
33	Nguyễn Thị Mẫn	Lá 7	KXDP TH	01/06/2020	7512172839	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Mẫn	1013792401	Vietcombank	30187007136	
34	Phạm Thị Vân	Nhà trẻ 4	KXDP TH	01/08/2020	7523706738	01/07/2021	01/07/2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Đình Thành	481000659616	Ngân hàng vietcombank	191713233	
35	Ma Thị Thảo	Chòi 6	KXDP TH	01/02/2020	7526308326	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Ma Thị Thảo	67010001147773	BIDV	70987398	
36	Trần Thị Bích	Chòi 5	KXDP TH	01/09/2020	7516200177	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Trần Thị Bích	105871660371	Vietinbank	197357387	
37	Trình Thị Thủy Linh	Mầm 2	KXDP TH	01/06/2020	7510117547	01/06/2021	01/06/2021	31/08/2021	3.710.000	Trình Thị Thủy Linh	1012525489	Vietcombank	164424482	

	Cộng: 37 lao động	137.270.000	
--	-------------------	-------------	--

IV . DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HUỖNG LƯƠNG VÀ ĐANG NUÔI CON ĐỂ HOẶC NUÔI CON NUÔI HOẶC CHĂM SÓC THAY THẾ TRẺ EM

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
			họ tên trẻ em chưa đủ 06 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	họ và tên hoặc vợ chồng ở cột (2)	Số thẻ CMT/CCC D của vợ hoặc chồng		Tên TK	Số TK	Ngân hàng		
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)	(6)*	(7)*	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Bùi Linh Trang	21	Nguyễn Đình Trung Lâm	11/12/2019	Nguyễn Thanh Tùng	79081008819	1.000.000	Bùi Linh Trang	67210000963855	BIDV	31186009176	
2	Bùi Thị Thủy Tiên	22	Nguyễn Hữu Gia Phát	30/01/2016	Nguyễn Hữu Trung	197186495	1.000.000	Bùi Thị Thủy Tiên	5911205317610	Agribank	197235820	
3	Vũ Thị Ninh Huệ	23	Đỗ Xuân Trường	8/12/2019	Đỗ Xuân Khương	191702704	1.000.000	Vũ Thị Ninh Huệ	12465677	ACB	272213832	
4	Lê Thị Xuân	24	Nguyễn Lê Thành Đạt	24/01/2019	Nguyễn Hữu Thạch	272729520	1.000.000	Lê Thị Xuân	5911205365612	Agribank	272816284	
5	Lê Thị Thu Hà	25	Nguyễn Khánh Đăng	7/03/2016	Nguyễn Văn Dũng	182496338	1.000.000	Lê Thị Thu Hà	5911205354810	Agribank	187199631	
6	Lê Thị Thu Hà	25	Nguyễn Thảo Nhi	26/08/2017	Nguyễn Văn Dũng	182496338	1.000.000	Lê Thị Thu Hà	5911205354810	Agribank	187199631	
7	Hoàng Thị Hoài Thương	26	Đàm Quốc Vinh	16/08/2016	Đàm Văn Tâm	272856992	1.000.000	Hoàng Thị Hoài Thương	0481000080239	Vietcombank	272856991	
8	Hoàng Thị Hoài Thương	26	Đàm Quỳnh Anh	12/05/2019	Đàm Văn Tâm	272856992	1.000.000	Hoàng Thị Hoài Thương	0481000080239	Vietcombank	272856991	
9	Phạm Thị Lan	27	Đỗ Đức Nhân	8/09/2017	Đỗ Hữu Thiện	25813221	1.000.000	Phạm Thị Lan	6100205568195	Agribank	25868106	
10	Trương Thị Bích Trinh	28	Trần Phú Phong	8/11/2018	Trần Minh Tuấn	212592914	1.000.000	Trương Thị Bích Trinh	103002078565	Vietinbank	245265654	
11	Nguyễn Thị Lê Huyền	29	Lê Quang Ân	21/9/2018	Lê Quang Nghĩa	212723543	1.000.000	Nguyễn Thị Lê Huyền	5911205173185	Agribank	212743199	
12	Phạm Thị Hoa	30	Lê Phạm Khánh An	27/3/2016	Lê Quang Diệu	276099307	1.000.000	Phạm Thị Hoa	5911205368519	Agribank	251271893	

13	Đặng Thị Trà	31	Trần Ngọc Bảo Anh	27/11/2015	Trần Văn Hoàng Hiệp	194254583	1.000.000	Đặng Thị Trà	0121002346784	Vietcombank	194623277	
14	Trần Thị Hương	32	Đậu Trần Đức Anh	29/11/2016	Đậu Văn Tân	186342402	1.000.000	Trần Thị Hương	104871656782	Vietinbank	186590142	
15	Nguyễn Thị Mẫn	33	Vũ Mai Phương	30/10/2018	Vũ Quốc Đoàn	142391188	1.000.000	Nguyễn Thị Mẫn	1013792401	Vietcombank	30187007136	
16	Phạm Thị Vân	34	Lê Thị Khanh Huyền	15/02/2018	Lê Đình Thành	191713233	1.000.000	Phạm Thị Vân	Ký nhận và ghi rõ họ tên			191769655
17	Mã Thị Thảo	35	Lã Xuân Vinh	21/04/2018	Lã Chi Công	272921851	1.000.000	Mã Thị Thảo	67010001147773	BIDV	70987398	
18	Mã Thị Thảo	35	Lã Đăng Khôi	5/07/2020	Lã Chi Công	272921851	1.000.000	Mã Thị Thảo	67010001147773	BIDV	70987398	
19	Trần Thị Bích	36	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	29/9/2019	Nguyễn Khắc Thành	197254210	1.000.000	Trần Thị Bích	105871660371	Vietinbank	197357387	
20	Trình Thị Thủy Linh	37	Mai Linh Hương	24/01/2018	Mai Hoàng Lâm	312076512	1.000.000	Trình Thị Thủy Linh	1012525489	Vietcombank	164424482	
Cộng: 20 trẻ em							20.000.000					
Tổng cộng: II+III							157.270.000					

Tổng số tiền hỗ trợ: 157.270.000 đồng
(Một trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
HỒNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH DU LỊCH TMDV KỲ NGHỈ VIỆT

(Kèm theo Quyết định số 3414/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên cơ sở: CÔNG TY TNHH DU LỊCH TMDV KỲ NGHỈ VIỆT
2. Mã số cơ sở: 3600878722
3. Địa chỉ: R68 đường Võ Thị Sáu, KP7, P. Thống Nhất, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
4. Mã cơ quan BHXH: 07500
5. Mã đơn vị: TA1521A

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG

TT	Họ và tên	Phòng/ban/ phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, NVKHL	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/người không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/CC CD	Ghi chú
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)	(6)*	(7)*	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Nguyễn Hữu Đức	Tài xế xe khách	không thời hạn	01/10/2018	7939173380	01/08/2021	01/08/2021	31/10/2021	3.710.000	Nguyễn Hữu Đức	1014101862	Vietcombank- CN Đồng Nai	079070006650	
2	Nguyễn Tấn Đức	Tài xế xe khách	không thời hạn	01/10/2018	7526862021	01/08/2021	01/08/2021	31/10/2021	3.710.000	Nguyễn Tấn Đức	0121000861159	Vietcombank- CN Đồng Nai	270721635	
3	Đoàn Văn Dũng	Tài xế xe khách	không thời hạn	01/10/2018	7526849806	01/08/2021	01/08/2021	31/10/2021	3.710.000	Đoàn Văn Dũng	0121000901201	Vietcombank- CN Đồng Nai	272583031	
4	Võ Thị Cẩm Hằng	Nhân viên kinh doanh	không thời hạn	01/04/2016	0112114574	01/08/2021	01/08/2021	31/10/2021	3.710.000	Võ Thị Cẩm Hằng	0121002056615	Vietcombank- CN Đồng Nai	272049063	
5	Phạm Chi Linh	Tài xế xe khách	không thời hạn	01/11/2015	7515113237	01/08/2021	01/08/2021	31/10/2021	3.710.000	Phạm Chi Linh	0121000812427	Vietcombank- CN Đồng Nai	271537292	
6	Tổng Trọng	Nhân Viên kinh doanh	không thời hạn	01/11/2015	7515110158	01/08/2021	01/08/2021	31/10/2021	3.710.000	Tổng Trọng	0281000393152	Vietcombank- CN Bình Dương	281016245	
7	Huỳnh Thị Thanh Vân	Nhân Viên kinh doanh	không thời hạn	01/04/2019	7523885723	01/08/2021	01/08/2021	31/10/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Thanh Vân	0911000001406	Vietcombank- CN Đồng Nai	272438218	
8	Nguyễn Văn Việt	Nhân viên kinh doanh	không thời hạn	01/09/2018	7915060912	01/08/2021	01/08/2021	31/10/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Việt	0421000474139	Vietcombank- CN TP HCM	250723293	

9	Trần Hoa Ánh Xuân	Nhân Viên Kế Toán	không thời hạn	01/08/2014	7514158862	01/08/2021	01/08/2021	31/10/2021	3.710.000	Trần Hoa Ánh Xuân	0121000872943	Vietcombank- CN Đồng Nai	271912376
10	Phạm Thị Yến Xuân	Nhân viên kinh doanh	không thời hạn	01/10/2018	7523924244	01/08/2021	01/08/2021	31/10/2021	3.710.000	Phạm Thị Yến Xuân	0071005188386	Vietcombank- CN TP.HCM	272797022
Cộng: 10 lao động										37.100.000			

III. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG VÀ ĐANG NUÔI CON ĐỂ HOẶC CON NUÔI HOẶC CHĂM SÓC THAY THẾ TRẺ EM

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMT/ thẻ căn cước công dân	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/CCCD của vợ hoặc chồng		Tên TK	Số TK	Ngân hàng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9			10	11
1	Đoàn Văn Dũng	3	Đoàn Nguyễn Anh Thơ	26/11/2017	Nguyễn Thị Anh	272897882	1.000.000	Đoàn Văn Dũng	121000901201	Ngân Hàng Ngoại Thương -CN Đồng Nai	272583031	
2	Võ Thị Cẩm Hằng	4	Nguyễn Phùng Thông	10/04/2017	Nguyễn Phùng Thái	271468546	1.000.000	Võ Thị Cẩm Hằng	121002056615	Ngân Hàng Ngoại Thương -CN Đồng Nai	272049063	
3	Phạm Chí Linh	5	Phạm Diệp Bảo Lợi	07/09/2019	Diệp Thị Thanh Thủy	271336876	1.000.000	Phạm Chí Linh	121000812427	Ngân Hàng Ngoại Thương -CN Đồng Nai	271537292	
4	Tống Trọng	6	Tống Thiên Kim	27/02/2020	Phạm Thị Hải Yến	151784169	1.000.000	Tống Trọng	281000393152	Ngân Hàng Ngoại Thương - CN Bình Dương	281016245	
5	Nguyễn Văn Việt	8	Nguyễn Quang Thiên	04/12/2019	Trần Thị Thủy Tiên	272297752	1.000.000	Nguyễn Văn Việt	421000474139	Ngân Hàng Ngoại Thương -CN Đồng Nai	250723293	
6	Trần Hoa Ánh Xuân	9	Đỗ Trần Mai Ngọc	18/12/2017	Đỗ Văn Nhung	272110346	1.000.000	Trần Hoa Ánh Xuân	121000872943	Ngân Hàng Ngoại Thương -CN Đồng Nai	271912376	
Cộng: 06 trẻ em							6.000.000					
Tổng cộng: II +III							43.100.000					

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng số tiền hỗ trợ: 43.100.000 đồng
(Bốn mươi ba triệu, một trăm nghìn đồng chẵn)



Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỊ VIỆC KHÔNG HƯỞNG
LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TUẦN TÂN THÀNH

(Kèm theo Quyết định số 3414/QĐ-UBND ngày 20 / 09 /2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên cơ sở: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TUẦN TÂN THÀNH
2. Mã số cơ sở: 3600562038
3. Địa chỉ: Số 1/1, Quốc Lộ 1, Khu Phố 6, Phường Tân Hòa, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
4. Mã cơ quan BHXH: 07500
5. Mã đơn vị: TA0682A

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỊ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG

TT	Họ và tên	Phòng/ban/p hân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoàn, NV/KHL	Thời gian tạm hoàn HDLĐ/người không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)	(6)*	(7)*	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Nguyễn Thị Kim Đan	Phó Giám đốc	Không thời hạn	01/01/2019	7523949542	04/08/2021	04/08/2021	02/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Kim Đan	67010001104741	BIDV - CN Đồng Nai	270898731	
2	Vũ Trung	Bếp xếp	Không thời hạn	01/01/2020	7508193761	04/08/2021	04/08/2021	02/09/2021	3.710.000	Vũ Trung	67010000559685	BIDV - CN Đồng Nai	270704812	
3	Vũ Văn Quy	Tài xế	Không thời hạn	01/01/2020	7508193754	04/08/2021	04/08/2021	02/09/2021	3.710.000	Vũ Văn Quy	67010000559603	BIDV - CN Đồng Nai	271589292	
4	Nguyễn Thị Thảo Ngọc	Kế toán	Không thời hạn	01/01/2019	7508193770	04/08/2021	04/08/2021	02/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thảo Ngọc	67010000560003	BIDV - CN Đồng Nai	271517716	

5	Nguyễn Văn Quân	Bóc xếp	Không thời hạn	01/01/2020	7508193764	04/08/2021	04/08/2021	02/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Quân	67010000559959	BIDV - CN Đồng Nai	271598618
6	Đặng Quốc Việt	Tài xế	Không thời hạn	01/01/2020	7508193755	04/08/2021	04/08/2021	02/09/2021	3.710.000	Đặng Quốc Việt	67010000559791	BIDV - CN Đồng Nai	272868676
7	Ngô Thị Hồng	Kế toán	Không thời hạn	01/01/2019	7509032966	04/08/2021	04/08/2021	02/09/2021	3.710.000	Ngô Thị Hồng	67010000559931	BIDV - CN Đồng Nai	272768511
8	Nguyễn Tấn Đạt	Tài xế	Không thời hạn	01/01/2020	8922511721	04/08/2021	04/08/2021	02/09/2021	3.710.000	Nguyễn Tấn Đạt	67010000731030	BIDV - CN Đồng Nai	351468648
9	Danh Thanh Nam	Bóc xếp	Không thời hạn	01/01/2020	9122616290	04/08/2021	04/08/2021	02/09/2021	3.710.000	Danh Thanh Nam	67010000612348	BIDV - CN Đồng Nai	371189765
10	Bùi Văn Hùng	Bóc xếp	Không thời hạn	01/01/2020	8224073873	04/08/2021	04/08/2021	02/09/2021	3.710.000	Bùi Văn Hùng	67010000686662	BIDV - CN Đồng Nai	311715543
11	Lê Minh Phúc	Bóc xếp	Không thời hạn	01/01/2020	9421902777	04/08/2021	04/08/2021	02/09/2021	3.710.000	Lê Minh Phúc	67010000583064	BIDV - CN Đồng Nai	365437660
12	Huỳnh Vũ Nguyễn	Bóc xếp	Không thời hạn	01/01/2020	7523935774	04/08/2021	04/08/2021	02/09/2021	3.710.000	Huỳnh Vũ Nguyễn	67010000612250	BIDV - CN Đồng Nai	272584894
13	Nguyễn Ngọc Viễn	Tài xế	Không thời hạn	01/01/2020	7526716323	04/08/2021	04/08/2021	02/09/2021	3.710.000	Nguyễn Ngọc Viễn	67010000838579	BIDV - CN Đồng Nai	271415014
14	Mai Chiến Thắng	Tài xế	12 tháng	01/12/2020	7525305916	04/08/2021	04/08/2021	02/09/2021	3.710.000	Mai Chiến Thắng	67010001122868	BIDV - CN Đồng Nai	272869517
15	Lâm Hoàng Long	Tài xế	12 tháng	01/12/2020	7508193760	04/08/2021	04/08/2021	02/09/2021	3.710.000	Lâm Hoàng Long	67010000559825	BIDV - CN Đồng Nai	272943115
16	Nguyễn Kim Đan Vy	Kế toán	12 tháng	01/03/2021	7523949538	04/08/2021	04/08/2021	02/09/2021	3.710.000	Nguyễn Kim Đan Vy	67010000585167	BIDV - CN Đồng Nai	272548676
17	Nguyễn Tạ	Bóc xếp	12 tháng	01/04/2021	7513155446	04/08/2021	04/08/2021	02/09/2021	3.710.000	Nguyễn Tạ	67010000669043	BIDV - CN Đồng Nai	260630697

18	Lâm Hoàng Loan	Tài xế	12 tháng	01/04/2021	7508193759	04/08/2021	04/08/2021	02/09/2021	3.710.000	Lâm Hoàng Loan	67010000559597	BIDV - CN Đồng Nai	365694145	
19	Lê Thị Thủy Hương	Kế toán	12 tháng	01/04/2021	7523922360	04/08/2021	04/08/2021	02/09/2021	3.710.000	Lê Thị Thủy Hương	67010001272860	BIDV - CN Đồng Nai	272750363	
20	Đặng Thị Lệ Huyền	Kế toán	12 tháng	01/04/2021	7523591633	04/08/2021	04/08/2021	02/09/2021	3.710.000	Đặng Thị Lệ Huyền	67010001247770	BIDV - CN Đồng Nai	271959326	
21	Sơn Văn Nhi	Bốc xếp	12 tháng	01/05/2021	7523662435	04/08/2021	04/08/2021	02/09/2021	3.710.000	Sơn Văn Nhi	67010001004753	BIDV - CN Đồng Nai	382013481	
Cộng: 21 lao động										77.910.000				

III. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TÂM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG VÀ ĐANG NUÔI CON ĐỂ HOẶC CON NUÔI HOẶC CHĂM SÓC THAY THẾ TRẺ EM

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMTCCC D của vợ hoặc chồng		Tên TK	Số TK	Ngân hàng)		
1	Đặng Thị Lệ Huyền	20	Đặng Văn Nhi	07/10/2016	Đặng Nguyễn Thái Huy	24467821	1.000.000	Đặng Thị Lệ Huyền	67010001247770	BIDV - CN Đồng Nai	271959326	
2	Đặng Thị Lệ Huyền	20	Đặng Minh Khôi	18/05/2019	Đặng Nguyễn Thái Huy	24467821	1.000.000	Đặng Thị Lệ Huyền	67010001247770	BIDV - CN Đồng Nai	271959326	
3	Ngô Thị Hồng	7	Hoàng Gia Hân	05/07/2016	Hoàng Tư Khánh	272767453	1.000.000	Ngô Thị Hồng	67010000559931	BIDV - CN Đồng Nai	272768511	
4	Đặng Quốc Việt	6	Đặng Minh Quân	13/05/2017	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	271668562	1.000.000	Đặng Quốc Việt	67010000559791	BIDV - CN Đồng Nai	272868676	
								9				
1	2	3	4	5	6	7	8				10	11

5	Nguyễn Văn Quân	5	Nguyễn Đỗ Minh Anh	21/09/2020	Đỗ Thị Mỹ La	260864558	1.000.000	Nguyễn Văn Quân	67010000559959	BIDV - CN Đồng Nai	271598618
6	Huỳnh Vũ Nguyễn	12	Huỳnh Ngọc Uyên Nhi	17/09/2015	Phan Thị Thủy	312439146	1.000.000	Huỳnh Vũ Nguyễn	67010000612250	BIDV - CN Đồng Nai	272584894
7	Bùi Văn Hùng	10	Bùi Gia Huy	26/06/2018	Trần Thị Uyên	271464846	1.000.000	Bùi Văn Hùng	67010000686662	BIDV - CN Đồng Nai	311715543
8	Lâm Hoàng Long	15	Lâm Bảo An	26/08/2018	Nguyễn Thị Hồng Trinh	271921526	1.000.000	Lâm Hoàng Long	67010000559825	BIDV - CN Đồng Nai	272943115
9	Lâm Hoàng Loan	18	Lâm Ngọc Tường Vy	10/06/2018	Thạch Thị Ngọc Diệu	365844743	1.000.000	Lâm Hoàng Loan	67010000559597	BIDV - CN Đồng Nai	365694145
Cộng: 09 trẻ em						9.000.000					
Tổng cộng: II+III						86.910.000					

Tổng số tiền hỗ trợ: 86.910.000 đồng
(Tám mươi sáu triệu, chín trăm mười nghìn đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng